

Bản án số: 142/2024/DS-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Hiện

Ông Lê Mộng Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 284/2024/TLST-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lê Thị D, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Số B, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (Bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:**

1. Bà Lưu Thị Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt)

2. Ông Hà Văn H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số D, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại văn bản trình bày ý kiến nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:**

Do tin tưởng cũng như quen biết nhau nên khi vợ chồng ông Hà Văn H và bà Lưu Thị Đ thực hiện mở hụi cho một số người dân tại địa phương tham gia chơi

hụi. Năm 2022 tôi đã tham gia vào việc mở hụi của vợ chồng ông Hà Văn H và bà Lưu Thị Đ. Tôi tham gia gồm 3 dây hụi, cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi khai ngày 20/7/2022 có 25 phần, mỗi phần là 5.000.000 đồng, tôi tham gia một phần và đóng được 22 tháng, vợ chồng ông H1 và bà Đ tuyên bố úp hụi và không giao hụi cho tôi, số tiền hụi mà vợ chồng ông H, bà Đ còn nợ tôi ở dây hụi này là 107.500.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi khai ngày 05/8/2022 có 21 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, tôi tham gia một phần và đóng được 21 tháng, hụi nay đã mãn nhưng vợ chồng ông H và bà Đ không giao hụi cho tôi, số tiền hụi mà vợ chồng ông H, bà Đ còn nợ tôi ở dây hụi này là 97.500.000 đồng

- Dây hụi thứ ba: Hụi khai ngày 05/8/2023 có 25 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, tôi tham gia một phần và đóng được 08 tháng, vợ chồng ông H1 và bà Đ tuyên bố úp hụi và không giao hụi cho tôi, số tiền hụi mà vợ chồng ông H, bà Đ còn nợ tôi ở dây hụi này là 30.400.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi bà Đ và ông H còn nợ của tôi là 235.400.000 đồng. Tôi có yêu cầu tổ hòa giải ấp Đ, xã T hòa giải để bà Đ, ông H trả số tiền trên nhưng vẫn không thành.

Ngoài ra, việc bà Đ thực hiện chơi hụi và làm chủ hụi là nhằm phục vụ kinh tế chung của gia đình, nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lưu Thị Đ và ông Hà Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền hụi còn nợ là 235.400.000 đồng. Sau khi khởi kiện ngày 18/7/2024 bà Đ, ông H có trả cho tôi số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 26/7/2024 trả tiếp số tiền 50.000.000 đồng, tổng số tiền bà Đ, ông H trả tôi nhận là 100.000.000 đồng. Số tiền bà Đ, ông H còn nợ lại là 135.000.000 đồng. Tôi yêu cầu bà Lưu Thị Đ và ông Hà Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền hụi còn nợ là 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), tôi không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền mà bà Đ, ông H còn nợ của tôi.

** Bị đơn bà Lưu Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng có trình bày:*

Tôi thừa nhận có mở các dây hụi do tôi làm chủ hụi, bà Lê Thị D có tham gia với tôi 3 dây hụi được mở vào các ngày 05/8/2022, ngày 20/7/2022 và 05/8/2023. Chữ “Út Hiếu” trong các giấy hụi là do tôi ghi để biết tôi là vợ của anh Hà Văn H. Hiện nay tôi còn thiếu bà D số tiền hụi là 235.400.000 đồng, tôi và bà D có hoà giải tại tổ hòa giải ấp Đ, xã T nhưng vẫn không thành. Việc tôi thực hiện chơi hụi với bà Lê Thị D thì chồng tôi ông Hà Văn H có biết, nhưng ông H không liên quan gì đến việc chơi hụi này do tôi thực hiện việc chơi hụi để phục vụ nhu cầu cá nhân của tôi. Tôi đồng ý trả cho bà D số tiền 235.400.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng do hoàn cảnh đang gặp khó khăn. Tôi yêu cầu không tính lãi suất chậm trả, hiện nay chồng tôi là ông H đang đi làm nên không đến Tòa án được.

** Bị đơn ông Hà Văn H quá trình tố tụng đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà Lưu Thị Đ và ông Hà Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D, buộc bà Lưu Thị Đ và ông Hà Văn H có nghĩa liên đới trả số tiền hội còn nợ. Bà Đ xin được trả dần nhưng không được bà D đồng ý nên không chấp nhận. Bà D không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền bà Đ còn thiếu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Lê Thị D, vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, bị đơn bà Lưu Thị Đ và ông Hà Văn H có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn bà Lê Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Lưu Thị Đ và ông Hà Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tòa án xét xử vắng mặt bà D, bà Đ và ông H là đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Khi khởi kiện nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án bản chính các giấy hội có nội dung “*Hội 5 triệu ngày 20-7-2022 = 25 người Út Hiếu; Hội 5 triệu ngày 5-8-2022 = 25 người Út Hiếu; Hội 5 triệu ngày 5-8-2023 = 25 người chủ thảo vợ Út Hiếu Còn Điệp*”. Xét việc xác lập hợp đồng góp hội giữa bà Lê Thị D với bà Lưu Thị Đ không được lập thành văn bản, nhưng việc thỏa thuận này được hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật nên hợp pháp và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lưu Thị Đ và ông Hà Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bà Đ có đến Tòa án để tham gia hòa giải, ông H không đến Tòa án. Tại kết quả xác minh trả lời công văn số 1182/TAHTP về việc xác minh nơi cư trú của ông Hà Văn H, Công an xã T cho biết bà Đ, ông H có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại địa phương. Quá trình tố tụng bà Lưu Thị Đ trình bày và có bản khai thừa nhận về thời gian chơi

hụi, số người tham gia chơi hụi và thừa nhận còn nợ bà Lê Thị D số tiền hụi là 235.400.000 đồng, vào ngày 18/7/2024 đã trả cho bà D 50.000.000 đồng, đến ngày 26/7/2024 trả tiếp cho bà D số tiền 50.000.000 đồng, số tiền hụi còn nợ bà D là 135.000.000 đồng. Ông Hà Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai các văn bản tố tụng nhưng ông H không đến Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, cho thấy ông Hiếu b nội dung khởi kiện và các giấy hụi cũng như biết việc bà Đ thừa nhận còn thiếu nợ hụi của bà D 235.400.000 đồng, trả được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 135.000.000 đồng nhưng không phản đối, đây là tình tiết không phải chứng minh, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 2 Điều 92 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét yêu cầu buộc ông Hà Văn H2 có nghĩa vụ liên đới với bà Lưu Thị Đ trả nợ hụi cho bà Lê Thị D. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù các giấy hụi có tên ông H, ông H không có ký tên vào các giấy hụi này, nhưng bà Đ và ông H là vợ chồng có đăng ký kết hôn (BL 49). Xét việc chơi hụi và làm chủ hụi, người tổ chức quản lý dây hụi, thu các phần hụi và giao các phần hụi đó cho thành viên được lĩnh hụi trong mỗi kỳ mở hụi cho tới khi kết thúc dây hụi của bà Lưu Thị Đ rất nhiều năm là nhằm để phục vụ cho việc phát triển kinh tế gia đình, điều này được các thành viên tham gia chơi hụi xác nhận, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, khi vợ chồng tiến hành giao dịch nhằm phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do bà Lưu Thị Đ, ông Hà Văn H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần áp dụng khoản 2 Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình buộc bà Đ, ông H có nghĩa vụ liên đới trả nợ hụi là 135.000.000 đồng cho bà Lê Thị D là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Bà Lê Thị D không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 135.000.000 đồng mà bà Đ, ông H2 còn thiếu nên không xem xét giải quyết.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[7] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D được chấp nhận nên bà Lưu Thị Đ, ông Hà Văn H phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch 6.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 91, 92, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D.

Buộc bà Lưu Thị Đ và ông Hà Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị D số tiền hụi là 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng)

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Thị Đ, ông Hà Văn H phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 5.860.000 đồng (năm triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng) cho bà Lê Thị D theo biên lai thu số 0001346 ngày 31/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Phương

Các Hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Xuân Tùng Nguyễn Văn S

Đặng Văn P

